

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2021

“V/v Tranh chấp về hôn nhân gia
đình về ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Kiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;

2. Ông Trương Phước Công.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1005/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn V, sinh năm 1988; nơi cư trú: số 438, xã PM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Ngô Thị Thùy Tr, sinh năm 1987; nơi cư trú: số 224, ấp AP, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn V trình bày, ông và bà Tr do tự nguyện tiến đến hôn nhân, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không tôn trọng nhau, tính*

tình không hợp, trong thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa, thường xuyên mâu thuẫn không thể giải quyết được, cả hai cố gắng hàn gắn nhưng không được, nên đã ly thân từ năm 2018 đến nay, nay ông V yêu cầu ly hôn với bà Tr. Quá trình chung sống: có 01 con chung tên Lê HL, sinh ngày 22/4/2016, con chung đang sống với bà Tr, sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung; không yêu cầu bà Tr phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Đúng là vào năm 2018 ông có không chấp nhận cho vợ và con ông sống chung nhà, ông đã đuổi mẹ con bà Tr về bên nhà mẹ đẻ sống, lý do giữa hai vợ chồng có những bất hòa không thể hàn gắn, nên khi nóng giận đã làm vậy.

Hiện nay, ông làm nghề nhôm, sắt mở xưởng tại nhà, thu nhập hàng tháng khoảng 14.000.000 đồng, từ khi ông đuổi vợ, con ra khỏi nhà thì trong năm 2019 có chu cấp 01 lần, sang năm 2020 có nhiều lần chu cấp, mỗi lần chu cấp khoảng 1.000.000 đồng nhưng không thường xuyên, việc chu cấp cũng phụ thuộc vào thu nhập, nên có lúc gửi nuôi con được nhiều, có lúc gửi nuôi con ít.

+ Về quan hệ tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về quan hệ nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Ngô Thị Thùy Tr trình bày, bà và ông V do quen biết nhau đi đến kết hôn, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn từ năm 2012, đây là hôn nhân lần thứ hai của bà, từ năm 2018 giữa bà và ông V không còn chung sống với nhau, do ông V đã nhiều lần đuổi mẹ, con bà về cha mẹ đẻ sống, nay tình cảm không còn nên bà đồng thuận không công nhận vợ chồng giữa bà và ông V. Quá trình chung sống ông, bà có 01 con chung tên Lê HL, sinh ngày 22/4/2016, sau khi ly hôn bà Tr đề nghị nuôi con và không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con, bà Tr sẽ tạo điều kiện cho ông V thăm nom, chăm sóc con, nhưng với điều kiện ông V phải có sự tôn trọng đối với bà và gia đình, bà Tr hiện nay đang làm tại Công ty Cổ phần Nam Việt, có ký hợp đồng lao động, thu nhập ổn định khoảng 7.000.000 đồng tháng. Về tài sản chung, nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Tr thừa nhận, kể từ khi không sống chung đến nay, ông V cũng có chu cấp cho bà nuôi con, nhưng không thường xuyên.

Tại phiên tòa:

- Ông V, bà Tr trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và bà Tr xác định không có tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình, ông V cung cấp tài liệu là giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (ngày 08/01/2021); giấy xác nhận thu nhập của ủy ban xã có thẩm quyền.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: ông Lê Văn V và bà Ngô Thị Thùy Tr tự tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông, bà không được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình, không công nhận ông V, bà Tr là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê HL, sinh ngày 22/4/2016, cả ông V, bà Tr đều có yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ năm 2018 đến nay, cháu Long sống chung với bà Tr, vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và bà Tr có đủ điều kiện nuôi con nên cần ổn định cuộc sống của cháu Long, tiếp tục giao cháu Long cho bà Tr chăm sóc, nuôi dưỡng. Do bà Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Lê Văn V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Ngô Thị Thùy Tr. Đồng thời, bà Tr cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Lê Văn V và bà Ngô Thị Thùy Tr thống nhất, sau thời gian quen biết và tìm hiểu, ông V, bà Tr chung sống vào năm 2012, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn, cũng như thời điểm này bà Tr cũng chưa thực hiện làm thủ tục ly hôn với chồng cũ, đến năm 2018 thì cả hai đã tự sống ly thân, nên không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Xét, giữa ông V, bà Tr có thời gian chung sống như vợ chồng từ năm 2012, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, không công nhận ông V, bà Tr là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông V, bà Tr thống nhất có 01 con chung tên Lê HL, sinh ngày 22/4/2016, tại đơn khởi kiện, cũng như

trong giai đoạn chuẩn bị xét xử ông V đều yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà Tr phải cấp dưỡng. Bà Tr cũng trình bày, đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét, cháu Long có thời gian sống với bà Tr ổn định, phát triển bình thường từ năm 2018 đến nay, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bà Tr cũng đã cung cấp tài liệu chứng minh việc nguồn thu nhập ổn định (Hợp đồng lao động), ông V mặc dù có yêu cầu nuôi con, tại phiên tòa ông V cung cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (ngày 08/01/2021), nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa, ông thừa nhận việc bà Tr không sống chung với ông, cũng như dẫn cháu Long về nuôi dưỡng xuất phát từ việc, năm 2018 ông đã có hành động đuổi mẹ, con bà Tr về gia đình bà Tr sống, mặc dù sau đó ông cũng có chu cấp nuôi con chung, nhưng không thường xuyên. Do đó, để giúp cho cháu Long có sống ổn định, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Long cho bà Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: ông V, bà Tr xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà Tr không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Văn V bà Ngô Thị Thùy Tr là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Không chấp nhận yêu cầu về nuôi con của ông Lê Văn V.

Giao cho bà Ngô Thị Thùy Tr được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê HL, sinh ngày 22/4/2016. Ông Lê Văn V không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Ngô Thị Thùy Tr cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Văn V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Văn V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/ 0009114 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 17 tháng 12 năm 2020; ông Lê Văn V đã nộp đủ án phí.

Bà Ngô Thị Thùy Tr không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ông Lê Văn V, bà Ngô Thị Thùy Tr có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên